

**HỌC PHẦN
HTTT KẾ TOÁN P3**

Khoa KTKT, Trường ĐHCN TpHCM, 2015

TRAO ĐỔI THÔNG TIN HỌC TẬP

- Email: thanhngandt@gmail.com
- Faa.edu.vn/ Blog GV/ Tổ cơ sở ngành/ Tên GV (Đỗ Thị Thanh Ngân)

2

Mục tiêu học phần

- ❖Hiểu khái niệm HTTTQL, HTTTKT
- ❖Biết sử dụng các công cụ mô tả hệ thống
- ❖Hiểu cấu trúc Hệ thống kiểm soát nội bộ
- ❖Biết xây dựng, thiết lập các thủ tục kiểm soát.
- ❖Nghiên cứu các quy trình kế toán trong môi trường tin học hóa.
- ❖Phân tích, thiết kế, đánh giá HTTTKT.

3

Yêu cầu đối với người học

- ❖ Biết các quy trình công việc kế toán
- ❖ Có kiến thức về kiểm toán, KSNB
- ❖ Có kiến thức về CSDL, phần mềm kế toán
- ❖ Biết sử dụng phần mềm MS.Visio, MS.Word
- ❖ Tham dự lớp 80% thời lượng
- ❖ Thực hiện các bài tập về nhà
- ❖ Chia nhóm (SV/nhóm)

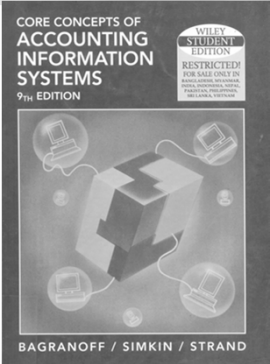
4

Tài liệu học tập

- ❖ *Sách, giáo trình chính*
 - [1] Trần Phước, giáo trình Hệ thống thông tin Kế Toán, lưu hành nội bộ, 2007.
- ❖ *Tài liệu tham khảo*
 - [1] Hệ thống thông tin kế toán tập 2. Tập thể giáo viên Bộ môn HTTTKT Trường Đại học Kinh tế TP.HCM - NXB Phương Đông.
 - [2] Bagranoff, Simkin, Strand (2005), Accounting Information Systems, 9th Edition, John Wiley & Sons, Inc.

5

Tài liệu tham khảo



6

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Phát biểu, thảo luận nhóm: *cộng điểm TK*
- Tiểu luận: *đề tài do giảng viên gợi ý (20%)*
- Thi giữa học phần: *tự luận (30%)*
- Thi kết thúc học phần : *tự luận (50%)*
- Thang điểm thi: *Theo qui chế tín chỉ*

7

Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	Tổng quan hệ thống thông tin kế toán	
2	Hệ thống KSNB và kiểm soát HTTT	
3	Các quy trình kế toán	
4	Cơ sở dữ liệu về HTTT kế toán	
5	Tổ chức hệ thống thông tin kế toán	
6	Phần mềm kế toán	
	<i>TỔNG CỘNG</i>	<i>30</i>

8

Đề tài tiểu luận (6-10 SV/nhóm/đề tài)

1. Chọn và mô tả HTTKT tổ chức cho chu trình doanh thu tại 1 DN thực tế trong môi trường tin học hóa.
2. Chọn và mô tả HTTKT tổ chức cho chu trình chi phí tại 1 DN thực tế trong môi trường tin học hóa.
3. Chọn và mô tả HTTKT tổ chức cho chu trình sản xuất tại 1 DN thực tế trong môi trường tin học hóa.
4. Ứng dụng Excel/Access xây dựng phần mềm kế toán, thiết lập và trình bày các thủ tục kiểm soát chung và kiểm soát ứng dụng trong phần mềm, vẽ lưu đồ màn hình.

9

Đề tài tiểu luận (6-10 SV/nhóm/đề tài)

- 5. Chọn và mô tả HTTTKT tổ chức cho chu trình tài sản cố định tại 1 DN thực tế trong môi trường tin học hóa.
- 6. So sánh COSO, ISO và COBIT
- 7. Chọn và mô tả HTTTKT tổ chức cho chu trình tài chính tại 1 DN thực tế trong môi trường tin học hóa.
- 8. Chọn và mô tả HTTTKT tổ chức cho chu trình tiền lương tại 1 DN thực tế trong môi trường tin học hóa.

Hướng dẫn thực hiện tiểu luận

- ❖ Mô tả thông tin của đơn vị, tổ chức bộ máy kế toán.
 - ❖ Mô tả cấu trúc tài khoản sử dụng, chứng từ sử dụng.
 - ❖ Mô tả quy trình xử lý
 - Mô tả tổng quát (về lưu đồ chứng từ, sơ đồ)
 - Mô tả chi tiết (hạch toán ntn?)
- =>Tuần : nộp tiểu luận giai đoạn 1
- ❖ Mô tả và đánh giá tính hữu hiệu của các thủ tục kiểm soát trong quy trình tại đơn vị.
 - ❖ Đề xuất thiết lập thêm các thủ tục kiểm soát để hoàn thiện quy trình (nếu cần).
- =>Tuần : nộp tiểu luận hoàn tất

**CHƯƠNG 1:
TỔNG QUAN VỀ HTTTKT**

Mục tiêu Chương 1

13

Nội dung

14

1. Hệ thống thông tin quản lý

1.1. Khái niệm Hệ thống thông tin quản lý
(Management Information Systems – viết tắt MIS)

❖ *Hệ thống* là một nhóm các phần tử tác động qua lại lẫn nhau có tổ chức nhằm thực hiện một mục tiêu nhất định.

15

1.1. Khái niệm Hệ thống thông tin quản lý

- ❖ *Thông tin* là một khái niệm rất trừu tượng. Tuy nhiên có thể định nghĩa cổ điển về thông tin:
- ❖ “Thông tin là sự hiểu biết có được từ dữ liệu”. (*Dữ liệu* được định nghĩa là sự kiện hoặc con số ghi nhận được).
- ❖ “Thông tin là sự phát biểu về cơ cấu của một thực thể mà nó giúp cho con người ra quyết định hoặc đưa ra một cam kết”.

16

1.1. Khái niệm Hệ thống thông tin quản lý

- ❖ *Khái niệm về quản lý*
 - Theo *J.W.Forsestor*: “Quản lý là một quá trình biến đổi thông tin đưa đến hành động, là một quá trình tương đương việc ra quyết định ...”.
 - Theo *F.Kast và Rosenweig*: “Quản lý bao gồm việc điều hòa các nguồn tài nguyên (nhân lực và vật chất) để đạt tới mục đích ...”.

17

1.1. Khái niệm Hệ thống thông tin quản lý

- ❖ *Hệ thống thông tin quản lý* là một nhóm các phần tử tác động qua lại lẫn nhau có tổ chức nhằm tạo ra dữ liệu để thực hiện việc ra quyết định, đáp ứng mục tiêu đã đề ra.

Hình: các thành phần của HTTTQL

18

1.2. Phân loại Hệ thống thông tin quản lý

- Hệ thống thông tin thị trường
- Hệ thống thông tin sản xuất
- Hệ thống thông tin tài chính
- Hệ thống thông tin nhân lực
- Hệ thống thông tin kế toán

19

2. Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System - AIS)

❖ 2.1. Khái niệm hệ thống thông tin kế toán

- Kế toán ?
- Hệ thống thông tin kế toán là một thành phần của hệ thống thông tin quản lý nhằm thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích thông tin và cung cấp thông tin kinh tế tài chính hữu ích phục vụ người sử dụng.

20

2.2. Quy trình xử lý HTTT kế toán

```

graph LR
    A[Thông tin đầu vào] --> B[Xử lý]
    B --> C[Thông tin đầu ra]
  
```

Thông tin đầu vào
Dữ liệu/Thông tin từ nguồn chứng từ bên trong hay bên ngoài

Xử lý
Sắp xếp, tổ chức, tính toán

Thông tin đầu ra
Cung cấp thông tin cho các đối tượng bên trong hay bên ngoài để ra quyết định

21

2.3. Mối liên hệ giữa kế toán & CNTT

22

3. Các công cụ kỹ thuật mô tả HTTT

Lưu đồ (Flow chart) **Sơ đồ (Diagram)**

23

Lưu đồ (Flow chart)

❖ **Lưu đồ** là hình vẽ mô tả quy trình luân chuyển dữ liệu, thông tin hoặc trình tự các hoạt động xử lý trong hệ thống thông tin.

- Lưu đồ chương trình
- Lưu đồ hệ thống
- Lưu đồ chứng từ

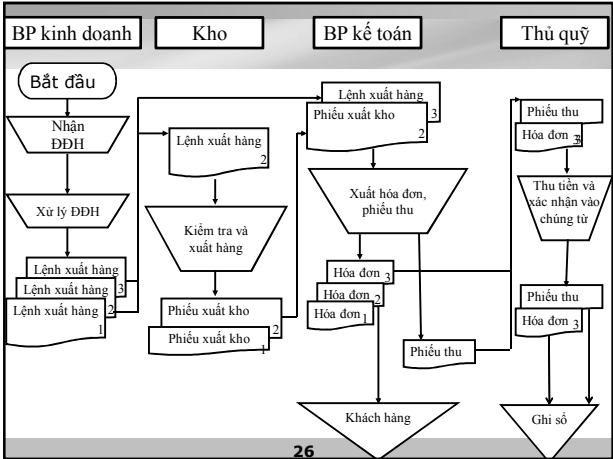
24

3.1. Lưu đồ chứng từ

3.1.1. Khái niệm

- ❖ **Lưu đồ chứng từ** là lưu đồ mô tả luân chuyển của chứng từ và thông tin giữa các vùng trách nhiệm của một tổ chức (một hệ thống).
- ❖ Rất hữu ích trong phân tích thủ tục kiểm soát

25



3.1. Lưu đồ chứng từ

❖ **Vậy lưu đồ chứng từ cho biết các thông tin gì?**

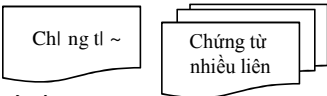
- Phương thức truyền dữ liệu
- Các đối tượng bộ phận liên quan
- Phương thức xử lý
- Phương thức và tính chất lưu trữ

27


3.1.2. Các ký hiệu về Lưu đồ

Phanh thanh 6 loại

1. Ký hiệu đầu vào

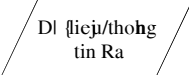


2. Ký hiệu xử lý

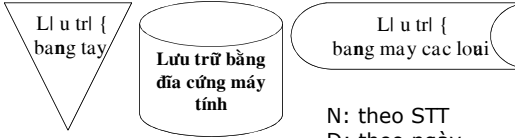


28

3. Ký hiệu đầu ra



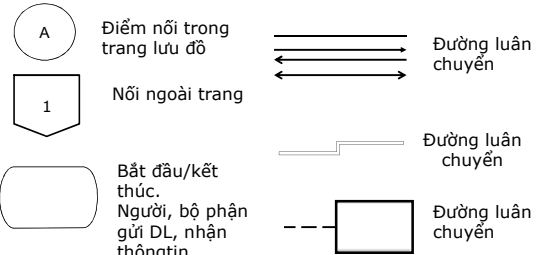
4. Ký hiệu lưu trữ



N: theo STT
D: theo ngày
A: theo tên

29

5. Ký hiệu đường luân chuyển



Đường luân chuyển

Đường luân chuyển

Đường luân chuyển

30

6. Ký hiệu khác

31

Lưu ý: Cách sử dụng các ký hiệu

- ❖ Chiều thông thường của lưu đồ từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.
- ❖ Mũi tên nên dùng trong trường hợp hướng luân chuyển trong lưu đồ là ngược chiều thông thường.
- ❖ Mỗi ký hiệu xử lý nên nối với một ký hiệu đầu vào và ký hiệu đầu ra của xử lý.

32

PHƯƠNG PHÁP VẼ

- ❖ **Bước 1:** Mô tả hệ thống hiện hành bằng các đoạn văn mô tả
- ❖ **Bước 2:**
 - Lập bảng đối tượng và các hoạt động liên quan đến đối tượng

Đối tượng	Hoạt động

 - Đánh dấu các hoạt động xử lý dữ liệu: lập chứng từ, nhập liệu, sắp xếp, xác nhận, lưu trữ, tính toán, tổng hợp, ...

33

PHƯƠNG PHÁP VẼ

- Phân loại các đối tượng của hệ thống: bên trong, bên ngoài.
Các đối tượng bên trong tham gia thực hiện các hoạt động xử lý

❖ **Bước 3:** chia lưu đồ thành các cột: Mỗi đối tượng bên trong là một cột

❖ **Bước 4:** Mô tả các thành phần cho từng cột và hoàn thành

- Xác định các thành phần đi vào của hoạt động xử lý
- Xác định các hoạt động xử lý
- Xác định các thành phần đi ra của hoạt động xử lý
- Xác định phương thức và tính chất lưu trữ

34

Ví dụ: LƯU ĐỒ CHỨNG TỪ TẠI CÔNG TY ABC

❖ **Bước 1:** mô tả hệ thống bằng đoạn văn

Sau khi nhận P XK do thủ kho chuyển sang, bộ phận gửi hàng đóng gói và lập "PGH" 3 liên: L1 gửi cho KH cùng hàng hóa; L2 gửi cho bộ phận lập hóa đơn; L3 gửi cho KT, lưu P XK theo STT.

Sau khi nhận được PGH, bộ phận lập HĐ căn cứ vào các thông tin này lập HĐ 2 liên và lưu PGH theo STT. L1 HĐ gửi cho KH, L2 gửi cho KT.

Định kỳ KT đối chiếu PGH và HĐ, ghi sổ chi tiết phải thu KH và lưu các chứng từ trên theo tên KH.

35

Ví dụ: LƯU ĐỒ CHỨNG TỪ TẠI CÔNG TY ABC

❖ **Bước 2:** Lập bảng ĐT, các hoạt động liên quan đến ĐT

Đối tượng	Hoạt động
Thủ kho	Chuyển P XK
Bộ phận gửi hàng	Đóng gói hàng và lập PGH 3 liên. Lưu P XK theo STT
Khách hàng	Nhận PGH L1 và hàng hóa Nhận HĐ L1
Bộ phận lập HĐ	Nhận PGH L2 Lập HĐ 2 liên Lưu PGH theo STT
Kế toán	Nhận PGH L3, nhận HĐ L2 Đối chiếu, ghi sổ Lưu các chứng từ theo tên KH

36

Ví dụ: LƯU ĐỒ CHỨNG TỪ TẠI CÔNG TY ABC

- Đánh dấu các hoạt động xử lý DL

Hoạt động	Đánh dấu
Chuyển PXX	
Đóng gói hàng và lập PGH 3 liên	X
Lưu PXX theo STT	X
Nhận PGH L1 và hàng hóa	
Nhận HĐ L1	
Nhận PGH L2	
Lập HĐ 2 liên	X
Lưu PGH theo STT	X
Nhận PGH L3, nhận HĐ L2	
Đổi chiếu, ghi số	X
Lưu các chứng từ theo tên KH	X

37

Ví dụ: LƯU ĐỒ CHỨNG TỪ TẠI CÔNG TY ABC

- Phân loại các đối tượng của hệ thống
 - Bên trong: BP gửi hàng, BP lập hóa đơn, kế toán
 - Bên ngoài: khách hàng, thủ kho

❖ **Bước 3:** Chia lưu đồ thành các cột

- 3 cột: BP gửi hàng, BP lập HĐ, kế toán

❖ **Bước 4:** Mô tả thành phần cho từng cột và hoàn thành

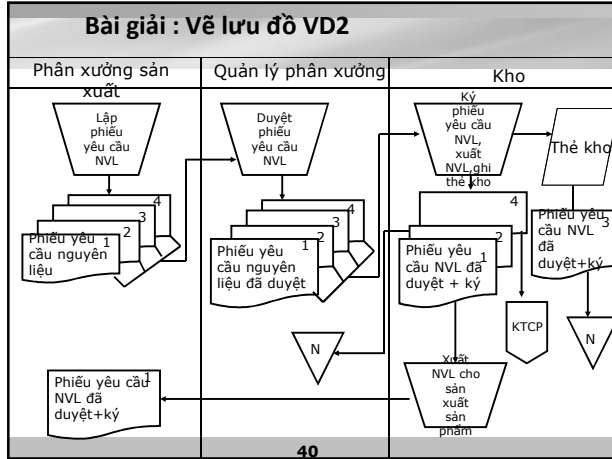
38

VD2:

- ❖ Công ty sản xuất ABC có nhiều phân xưởng. Phân xưởng lập các phiếu yêu cầu nguyên vật liệu (4 liên) và chuyển sang bộ phận quản lý phân xưởng để phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, các phiếu yêu cầu nguyên vật liệu được chuyển đến bộ phận kho. Tại kho, các phiếu yêu cầu nguyên vật liệu được ký bởi thủ kho. Nhân viên này gửi liên thứ 1 của phiếu yêu cầu nguyên vật liệu cùng với nguyên vật liệu đến các phân xưởng. Liên thứ 2 của phiếu yêu cầu nguyên vật liệu được chuyển đến quản lý phân xưởng. Liên thứ 4 được chuyển đến bộ phận kế toán chi phí. Liên thứ 3 được sử dụng để ghi nhận lượng nguyên vật liệu xuất dùng vào các thẻ kho, sau đó chúng được lưu lại tại kho theo số thứ tự

Yêu cầu: Vẽ lưu đồ chứng từ cho các thủ tục trên

39



3.2. Sơ đồ dòng dữ liệu (Data Flow Diagram – DFD)

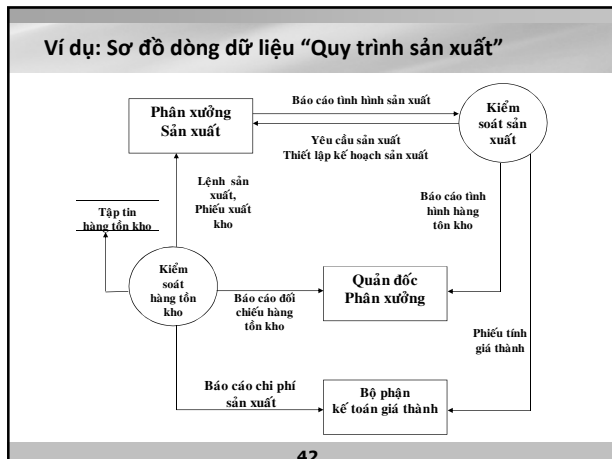
❖ DFD là hình vẽ mô tả luân chuyển dữ liệu trong hệ thống. Nó được dùng để lập hồ sơ cho hệ thống đang tồn tại hoặc để lập kế hoạch hay thiết kế cho hệ thống mới.

❖ DFD thường được chia thành nhiều cấp độ

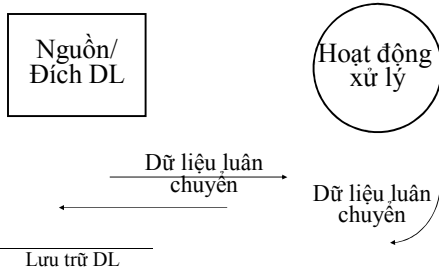
❖ Một DFD được cấu tạo bởi 4 thành phần cơ bản:

- Nguồn, đích dữ liệu
- Luân chuyển dữ liệu (dòng dữ liệu)
- Xử lý
- Lưu trữ dữ liệu

41



3.2.1. Các ký hiệu vẽ sơ đồ



43

PHƯƠNG PHÁP VẼ

❖ **Bước 1:**

❖ **Bước 2:**

❖ **Bước 3:** Vẽ biểu tượng, đặt tên, nối DL

▪ **DFD khái quát (cấp 0)**

- Vẽ hình chữ nhật mô tả đối tượng bên ngoài
- Vẽ hình tròn ở giữa các hình chữ nhật và đặt tên theo chức năng của hệ thống đang mô tả.

▪ **DFD cấp chi tiết (1,2,3)**

- Vẽ hình chữ nhật mô tả đối tượng bên ngoài
- Vẽ hình tròn mô tả cho hoạt động xử lý/ nhóm hoạt động xử lý và đặt tên cho hình tròn theo nội dung mô tả

44

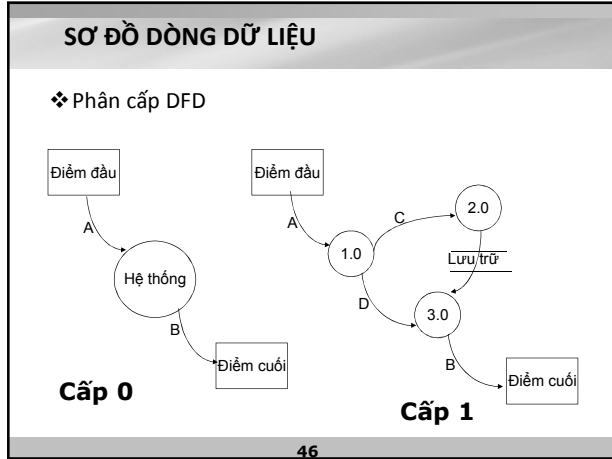
PHƯƠNG PHÁP VẼ

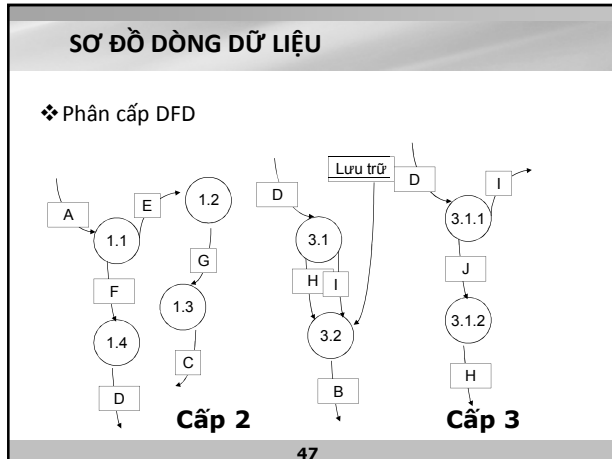
- Vẽ dòng DL: nối các hình tròn với hình chữ nhật, đặt tên cho dòng DL
- Vẽ ký hiệu lưu trữ DL: gắn hình tròn (lưu chứng từ, sổ sách, phần mềm,...)

❖ **Bước 4:** Đánh số và hoàn tất

Chỉ áp dụng cho DFD cấp chi tiết

45

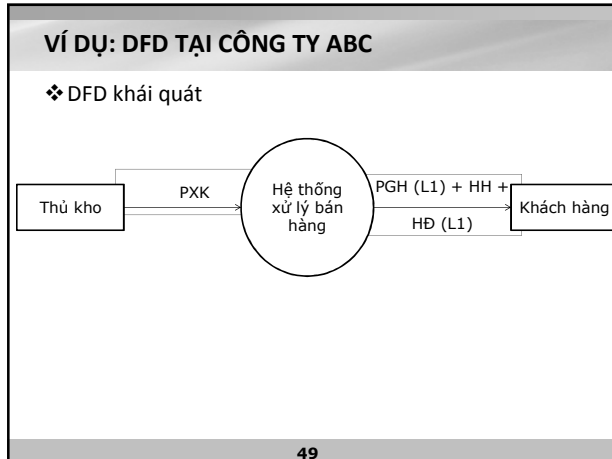


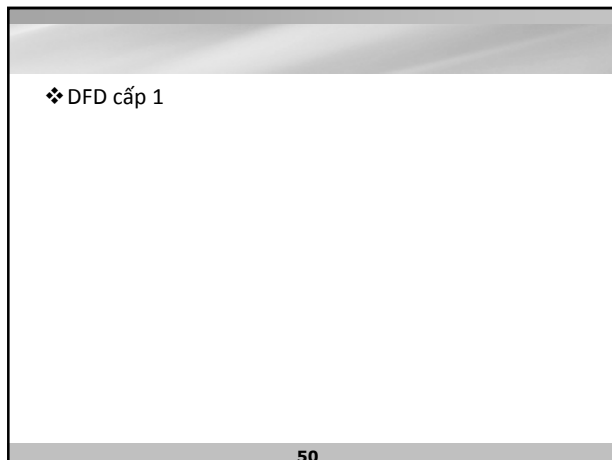


VÍ DỤ: DFD TẠI CÔNG TY ABC

❖ Bước 1: VD trên
 ❖ Bước 2: VD trên
 ❖ Bước 3:
 ▪ Vẽ biểu tượng, đặt tên, nối DL
 ❖ Bước 4: Đánh số và hoàn tất

The number "48" is printed at the bottom of the slide.



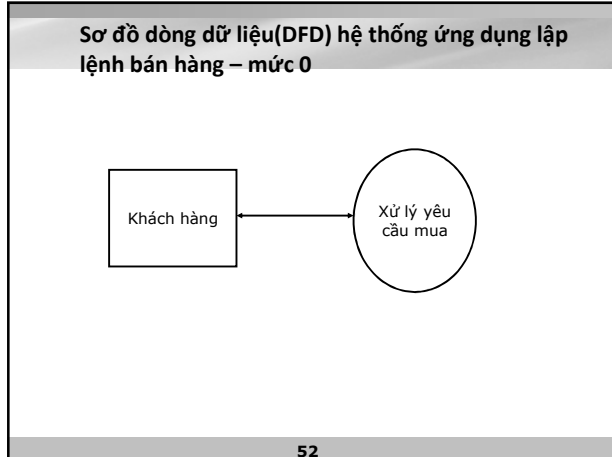


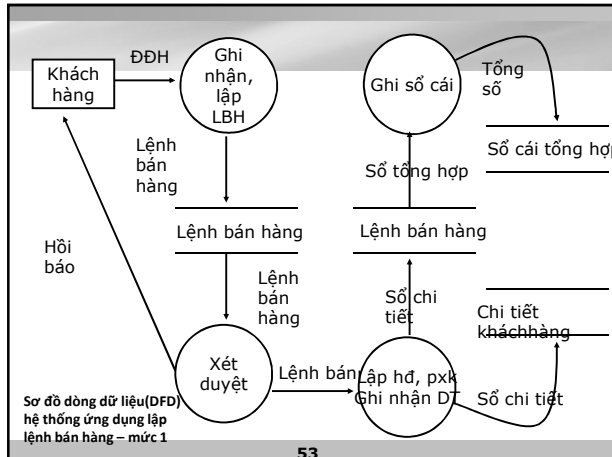
Bài tập về sơ đồ dòng dữ liệu

❖ Công ty X sử dụng hệ thống thủ công xử lý đơn đặt hàng của khách hàng. Lệnh bán hàng(3 liên) được lập bởi bộ phận bán hàng và chuyển sang bộ phận tín dụng để xét duyệt. Lệnh bán hàng sau khi xét duyệt được chuyển cho phòng kế toán để lập hóa đơn(3 liên) và phiếu xuất kho(4 liên). Một liên của lệnh bán hàng được gửi cho khách hàng để hồi báo. Kế toán ghi nhận doanh thu và số phải thu chi tiết cho khách hàng. Bộ phận ghi sổ cái cập nhật số tổng hợp trên các sổ nhật ký lên sổ tổng hợp

Yêu cầu: Lập sơ đồ dòng dữ liệu (DFD) cho hệ thống trên

51





3.2.2 Lưu đồ chứng từ vs Sơ đồ dòng dữ liệu

<p>❖ Lưu đồ chứng từ</p> <ul style="list-style-type: none"> •Nhấn mạnh khía cạnh vật lý của dữ liệu luân chuyển cũng như xử lý •Trình bày người tham gia trong quá trình luân chuyển và xử lý dữ liệu •Được dùng nhiều hơn khi mô tả hệ thống hiện hành •Sử dụng nhiều ký hiệu hơn 	<p>❖ Sơ đồ dòng dữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> •Nhấn mạnh sự luân chuyển logic của dữ liệu •Không trình bày phương tiện lưu trữ, xử lý, luân chuyển dữ liệu •Thường không trình bày người tham gia trong hệ thống •Được dùng nhiều hơn khi thiết kế hệ thống mới •Sử dụng ít ký hiệu hơn
---	--

54

3.3. Công cụ vẽ

- ❖ Công cụ Drawing – MS.Word
- ❖ Phần mềm MS.Visio 2010
 - **US Units** : kích thước được tính theo đơn vị inch.
 - **Metric Units** : kích thước được tính theo đơn vị mét

55

Bài tập: Vẽ lưu đồ chứng từ, sơ đồ dòng dữ liệu “Quy trình chi tiền” tại công ty Vina

- ❖ Bộ phận có nhu cầu thanh toán sẽ lập Giấy đề nghị chi, sau đó trình giám đốc ký duyệt.
- ❖ Căn cứ vào Giấy đề nghị đã được sự đồng ý của giám đốc, kế toán thanh toán sẽ kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ rồi lập Phiếu Chi (2liên) và chuyển cho kế toán trưởng hay giám đốc ký duyệt.
- ❖ Khi Phiếu Chi đã được ký duyệt sẽ chuyển đến cho thủ quỹ để thủ quỹ làm thủ tục chi tiền. Sau đó kế toán thanh toán lưu Phiếu Chi liên 1 theo số chứng từ, liên 2 thủ quỹ lưu.

56

TỔNG KẾT CHƯƠNG

- ❖ Chức năng của hệ thống thông tin kế toán
 - Ghi nhận, lưu trữ các dữ liệu của các hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp
 - Lập và cung cấp các báo cáo cho các đối tượng bên ngoài
 - Hỗ trợ ra quyết định cho nhà quản lý doanh nghiệp
 - Hoạch định và kiểm soát
 - Thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ
- ❖ Hiểu và so sánh được ý nghĩa của Lưu đồ chứng từ và sơ đồ dòng DL

57

Câu hỏi và bài tập về nhà

- ❖ Chuẩn bị máy tính cài sẵn MS.Visio2010.
- ❖ Làm bài tập “quy trình chi tiền” cty Vina.
- ❖ Tìm kiếm các lưu đồ chứng từ và sơ đồ dòng dữ liệu mẫu của quy trình Doanh thu, quy trình Chi phí, quy trình Sản xuất,...
- ❖ Chuẩn bị bài chương 2:
 - Tìm hiểu các thành phần của Hệ thống kiểm soát nội bộ?
 - Tìm hiểu phương pháp tổ chức hay xây dựng Hệ thống kiểm soát nội bộ?

58
